

Bản án số: 109/2019/DS-PT

Ngày: 19/6/2019

V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Triều

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Thị Bích Vân

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 03 năm 2019 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa ra vụ án xét xử số: 102/2019/QĐ-PT, ngày 08 tháng 05 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2019/QĐ-PT, ngày 24 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị X, Sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 310 Khu phố C, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Danh X1 (tên gọi khác: Danh S), Sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: 310 khu phố C, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Dương Thị H**, Sinh năm 1978 (có mặt).
2. Bà **Danh Thị T**, Sinh năm 1973 (vắng mặt).
3. Ông **Danh C**, Sinh năm 1976 (vắng mặt).
4. Ông **Danh H1**, Sinh năm 1979 (vắng mặt).
5. Bà **Danh Thị Ch**, Sinh năm 1986 (có mặt).
6. Ông **Danh H2**, Sinh năm 1988 (vắng mặt).
7. Bà **Danh Thị T1**, Sinh năm 1990 (vắng mặt) .
8. Ông **Danh H3**, Sinh năm 1993 (có mặt).
9. Ông **Danh K**, Sinh năm 1998 (có mặt).
10. Bà **Danh Thị M**, Sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: 310 khu phố C, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

11. Bà **Trần Thị M1**, Sinh năm 1949 (chết).

Địa chỉ: số 378, ấp C, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

(Không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Danh X1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2015 và tại phiên tòa bà Trần Thị X trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Trần Thị X với ông Danh X1, bà Dương Thị H có diện tích ngang 14m, dài từ mặt Quốc lộ 80 đến kinh sáng Hà Tiên. Đất tọa lạc tại Khu phố C, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang là của cha mẹ bà X, ông Trần Văn M2, bà Lưu Thị U khai mở khoảng 50 năm nay. Ông M2 bà U có ba người con là Trần Thị M1, ông Trần Văn T3 và bà Trần Thị X. Sau khi ông Trần Văn M2 chết năm 1978, thì trong gia đình có thống nhất phần đất ông M2, bà U khai mở sẽ để lại cho bà Trần Thị X sử dụng để chăm lo cho bà Lưu Thị U và làm nhà thờ cúng sau này. Khi ông M2 chết lúc này bà X mới khoảng 17 tuổi và có lấy chồng là ông Danh S cha của ông Danh X1 bây giờ, khi bà X lấy ông Danh S thì ông Danh S về ở rể và sống chung với bà X trên phần đất này và có sinh được 10 người con là bà Danh Thị T; ông Danh C; ông Danh H1; bà Danh Thị Ch; ông Danh H2; bà Danh Thị T1; ông Danh H3; ông Danh K; bà Danh Thị M và ông

Danh X1, đến năm 1998 ông Danh S chết, bà X và các con vẫn ở trên phần đất này. Đến năm 2002 bà X đi lấy chồng để phần đất này lại cho các con ở, trong thời gian các con bà X ở trên phần đất này thì ông Danh X1 đuổi hết anh em ra khỏi phần đất này. Đến năm 2007 thì bà Trần Thị X trở về để ở thì xảy ra tranh chấp với ông Danh X1 cho đến nay. Trong quá trình xảy ra tranh chấp bà X có nhờ đến chính quyền địa phương giải quyết và tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 8 năm 2014 ông Danh X1 đồng ý trả lại đất cho bà X, nhưng ông Danh X1 chỉ hứa mà không có thực hiện trả đất cho bà X. Từ đó bà X mới làm đơn khởi kiện ông Danh X1 ra Tòa án nhân dân huyện Đ, để yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bà Trần Thị X yêu cầu ông Danh X1 cùng vợ bà Dương Thị H phải trả lại cho bà Trần Thị X diện tích đất theo như đo đạc thực tế là $216,8m^2$, đất có tứ cận như sau:

- Cạnh 1-2 giáp kênh Rạch Giá – Hà Tiên = 13,80m.
- Cạnh 2 – 3 giáp kênh Lê Văn Đạt = 19,50m.
- Cạnh 3 – 4 Giáp Quốc Lộ 80 = 13,60m.
- Cạnh 4-1 giáp Nguyễn Văn Thanh Trà = 19,50m.

Đồng thời bà Trần Thị X cũng yêu cầu ông Danh X1 phải dỡ bỏ mái che phía trước có kích thước: $5,35m \times 4m + 6,6m \times 8m$. Kết cấu: nền đất, cột gỗ loại trung, đòn tay vì kèo gỗ, mái tol sóng tròn.

Đối với ngôi nhà ở ngang 7,8m dài 9m, diện tích $70,2m^2$, kết cấu nền đất, cột gỗ loại nhỏ, đòn tay vì kèo gỗ, mái tol sóng tròn và mái che phía trước thứ nhất, kích thước ngang 5,5m dài 4m mái che thứ hai ngang 6,6m dài 8m. Tổng diện tích hai mái che $74,2m^2$. Kết cấu: Nền đất, cột gỗ loại trung, đòn tay vì kèo gỗ, mái tol sóng tròn bà đồng ý cho ông Danh X1 được dỡ toàn bộ các công trình này. Trường hợp ông Danh X1 không dỡ thì bà yêu cầu được sử dụng. Ngoài ra bà X không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Danh X1 trình bày: Ông Danh X1 là con của ông Danh S, bà Trần Thị X. Về nguồn gốc đất đang tranh với bà Trần Thị X như thế nào thì ông không rõ, nhưng từ lúc ông sinh ra tới nay ông đã sống trên phần đất này. Năm 1998 ông Danh S chết, sau đó thì bà Trần Thị X đi lấy chồng và bỏ đi nơi khác không ở trên phần đất này nữa. Đến năm 2002 thì ông Danh X1 đi tù đến năm 2004

thì ông Danh X1 ra tù và trở về đây sinh sống. Sau đó thì ông Danh X1 bắt đầu cất thêm một căn nhà tạm và tôn tạo phần đất này được như hiện nay.

Nay bà Trần Thị X yêu cầu lấy lại phần đất ngang 14m dài 20m thì ông không đồng ý, ông yêu cầu bà X phải chia cho ông ở trên phần đất ngang 5m, chạy dài từ Quốc lộ 80 tới kênh sáng Rạch Giá - Hà Tiên, ông không yêu cầu bà X phải trả lại tiền công tôn tạo phần đất còn lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H trình bày: Bà H thống nhất lời trình bày của chồng bà là ông Danh X1 bà không bổ sung gì thêm.

Bà Trần Thị M1 có bản tự khai ngày 29 tháng 6 năm 2015 trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa bà Trần Thị X với ông Danh X1 là của cha mẹ bà là ông Trần Văn M2, bà Lưu Thị U khai mở, sau khi cha mẹ bà chết đi thì phần đất này bà Trần Thị X là người thừa hưởng, vì vậy nay bà yêu cầu ông Danh X1 phải trả lại đất cho bà Trần Thị X, chứ bà không có yêu cầu gì.

Chị Danh Thị M, anh Danh K, anh Danh H3 tại phiên tòa trình bày: Các anh, chị là con của bà Trần Thị X, ông Danh S. Về nguồn gốc đất là của ông, bà ngoại tên Trần Văn M2, bà Lưu Thị U khai mở sau đó ông M2, bà U chết thì để lại toàn bộ phần đất này cho bà Trần Thị X sử dụng và làm nơi thờ cúng ông, bà. Nay bà Trần Thị X tranh chấp với ông Danh X1 thì yêu cầu ông Danh X1 phải trả lại phần đất này cho bà X, còn các anh, chị không có yêu cầu gì.

Chị Danh Thị T, anh Danh C, anh Danh H1, chị Danh Thị Ch, anh Danh H2, chị Danh Thị T1 đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 16 tháng 12 năm 2017 đều trình bày toàn bộ diện tích đất tranh chấp giữa bà Trần Thị X với ông Danh X1 là tài sản riêng của bà Trần Thị X, các anh, chị không yêu cầu gì riêng cho mình về phần đất này, chỉ yêu cầu ông Danh X1 phải trả lại phần đất này cho bà Trần Thị X tiếp tục sử dụng.

Những người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M2, bà Thị Ti2, bà Đỗ Thị Cẩm V, ông Danh L1, ông Đặng Văn H4 đều trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa bà Trần Thị X với ông Danh X1 là của cha mẹ bà Trần Thị X khai mở, sau khi cha mẹ bà X chết đi thì bà X là người được thừa hưởng và ở trên phần đất này. Ngoài ra các ông, bà không trình bày gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 103/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X yêu cầu ông Danh X1, bà Dương Thị H phải giao trả lại phần đất tranh chấp cho bà Trần Thị X.

2. Buộc ông Danh X1, bà Trần Thị H phải giao lại cho bà Trần Thị X toàn bộ diện tích đất là 216,8m², (đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đất có tứ cận như sau:

- Cạnh 1-2 giáp kênh Rạch Giá – Hà Tiên = 13,80m.
- Cạnh 2 – 3 giáp kênh Lê Văn Đạt = 19,50m.
- Cạnh 3 – 4 Giáp Quốc Lộ 80 = 13,60m.
- Cạnh 4-1 giáp Nguyễn Văn Thanh Trà = 19,50m.

3. Bác yêu cầu của ông Danh X1, bà Dương Thị H xin được ở trên phần đất chiều ngang là 5m chạy dài từ Quốc lộ 80 đến mí nước kênh sáng Rạch Giá – Hà Tiên.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị X cho ông Danh X1, bà Dương Thị H được dỡ toàn bộ căn nhà trên đất ngang 7,8m dài 9m, diện tích 70,2m², kết cấu nền đất, cột gỗ loại nhỏ, đòn tay vì kèo gỗ, mái tol sóng tròn và mái che phía trước thứ nhất, kích thước ngang 5,5m dài 4m mái che thứ hai ngang 6,6m dài 8m. Tổng diện tích hai mái che 74,2m². Kết cấu: Nền đất, cột gỗ loại trung, đòn tay vì kèo gỗ, mái tol sóng tròn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018 bị đơn ông Danh X1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 103/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ buộc bà Trần Thị X phải chia cho ông X1, bà H 5m đất giáp với đất ông Đạt kế bên về hướng Rạch Giá, dài từ mé lộ xuống mé kênh Rạch Giá – Hà Tiên hoặc bồi thường cho ông X1, bà H số tiền công tôn tạo đất nền là 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang về thời gian lưu cư.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất, nhưng theo yêu cầu của đương sự cũng như hồ sơ thể hiện thì bà X đòi ông X1 phải trả lại diện tích đất cho ở nhờ nên mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là đòi lại quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Trần Thị M1 chết lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xác minh xem bà M1 có chồng, con gì không để đưa vào tham gia thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người liên quan nhưng cấp sơ thẩm bỏ sót là thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa các đương sự thừa nhận bà M1 không có chồng, không có con. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Danh Thị B là vợ ông T3 (ông T3 đã chết) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm có ghi lời khai của bà B và bà B không có yêu cầu gì, đồng ý diện tích đất đang tranh chấp giữa bà X và ông X1 là của cha mẹ cho bà X sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Trần Thị X yêu cầu vợ chồng ông Danh X1, bà Dương Thị H là con của bà phải giao trả lại phần đất cho ở nhờ có diện tích là 216,8m², tọa lạc tại khu phố C, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang nhưng ông Danh X1, bà Dương Thị H không đồng ý trả lại đất cho bà X sử dụng từ đó có phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X. Ông X1, bà H không đồng ý nên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Trần Thị X phải chia cho ông bà diện tích đất có chiều ngang 5m đất giáp với đất ông Đạt kế bên về hướng Rạch Giá, dài từ mé lộ xuống mé kênh Rạch Giá – Hà Tiên, nếu bà X không chia thì yêu cầu bà X phải bồi thường số tiền công tôn tạo đất nền là 200.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông X1, bà H Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 216,8m². Đất tọa lạc tại Khu phố C, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang về nguồn gốc đất là của cha mẹ bà Trần Thị X khai mở, sau đó cha mẹ bà X chết đi thì bà X được ở phần đất này để thờ cúng cha mẹ, sự việc này đã được chính những người con và anh em với bà X là bà Trần Thị M1, bà Danh Thị B (vợ ông Trần Văn T3), những người làm chứng Nguyễn Thị M2, Thị Ti2, Danh L1, bà Đỗ Thị Cẩm V cũng như ông Đặng Văn H4 đều xác nhận phần đất này là của cha mẹ bà X sau khi qua đời đã để lại cho bà Trần Thị X sử dụng. Từ đó, cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị X là có cơ sở. Việc ông X1, bà H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia cho vợ chồng ông bà 5m đất chiều ngang là không cơ sở xem xét. Vì từ khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết ông X1 không có đơn yêu cầu phản tố chia thừa kế và nếu có yêu cầu cũng không được xem xét, vì diện tích đất tranh chấp theo Văn bản trả lời số 273/UBND-TNMT ngày 13/7/2017 của UBND huyện Đ không được cấp giấy chứng nhận QSD đất do thuộc hành lang giao thông. Mặt khác, ông X1, bà H yêu cầu nếu không chia đất cho ông bà thì bà X phải bồi thường công tôn tạo bồi đắp là 200.000.000 đồng để ông bà di dời đi nơi khác. Yêu cầu này của ông bà Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần hướng dẫn vợ chồng ông X1, bà H nếu có yêu cầu thì làm đơn nhưng ông, bà không làm đơn yêu cầu nên Tòa án cấp phúc thẩm cũng không có cơ sở xem xét. Về yêu cầu này ông X1, bà H có thể khởi kiện yêu cầu bằng một vụ kiện khác. Từ những phân tích nêu trên, cần chấp nhận đề nghị của

Đại diện Viện kiểm sát, Luật sư, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xử buộc ông Danh X1 cùng vợ là bà Dương Thị H phải giao trả lại cho bà Trần Thị X toàn bộ diện tích đất đo đạc thực tế là 216,8m², đất có tứ cận như sau:

- Cạnh 1 - 2 giáp kênh Rạch Giá – Hà Ti2 = 13,80m.
- Cạnh 2 – 3 giáp kênh Lê Văn Đạt = 19,50m.
- Cạnh 3 – 4 Giáp Quốc Lộ 80 = 13,60m.
- Cạnh 4-1 giáp Nguyễn Văn Thanh Trà = 19,50m.

[5] Đối với căn nhà trên đất của ngang 7,8m dài 9m, diện tích 70,2m², kết cấu nền đất, cột gỗ loại nhỏ, đòn tay vì kèo gỗ, mái tol sóng tròn và mái che phía trước thứ nhất, kích thước ngang 5,5m dài 4m mái che thứ hai ngang 6,6m dài 8m. Tổng diện tích hai mái che 74,2m². Kết cấu: Nền đất, cột gỗ loại trung, đòn tay vì kèo gỗ, mái tol sóng tròn. Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự thỏa thuận của bà Trần Thị X giao cho ông Danh X1, bà Dương Thị H tháo dỡ toàn bộ căn nhà và hai mái che. Tại phiên tòa phúc thẩm ông X1, bà H cho rằng không đồng ý nhận, các đương sự không kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Hiện tại ông X1, bà H đang ở trong căn nhà trên diện tích đất tranh chấp nhưng cấp sơ thẩm không tuyên thời gian lưu cư và tháo dỡ nhà là thiếu sót. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bà X tự nguyện cho ông X1, bà H thời gian lưu cư, tháo dỡ nhà là 06 tháng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà X.

[6] Đối với chi phí đo đạc và định giá bà Trần Thị X đã nộp xong số tiền 1.842.000 đồng. Bà không có yêu cầu ông X1, bà H trả lại, nên Hội đồng xét xử không đề cập xét.

[7] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Thì ông Danh X1, bà Dương Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông X1, bà H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 103/2018/DS-ST , ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 203 Luật đất đai.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X đối với ông Danh X1, bà Dương Thị H. Buộc ông Danh X1, bà Trần Thị H phải giao lại cho bà Trần Thị X toàn bộ diện tích đất là 216,8m², (đất thuộc hành lang giao thông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đất có tứ cận như sau:

- Cạnh 1-2 giáp kênh Rạch Giá – Hà Ti2 = 13,80m.

- Cạnh 2 – 3 giáp kênh Lê Văn Đạt = 19,50m.

- Cạnh 3 – 4 Giáp Quốc Lộ 80 = 13,60m.

- Cạnh 4-1 giáp Nguyễn Văn Thanh Trà = 19,50m.

(Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và bản vẽ ngày 29/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị X cho ông Danh X1, bà Dương Thị H được tháo dỡ toàn bộ căn nhà trên đất ngang 7,8m, dài 9m, diện tích 70,2m², kết cấu nền đất, cột gỗ loại nhỏ, đòn tay vì kèo gỗ, mái tol sóng tròn và mái che phía trước thứ nhất, kích thước ngang 5,5m dài 4m mái che thứ hai ngang 6,6m dài 8m. Tổng diện tích hai mái che 74,2m². Kết cấu: Nền đất, cột gỗ loại trung, đòn tay vì kèo gỗ, mái tol sóng tròn (Theo biên bản định giá ngày 12/7/2016 của Công ty TNHH Tư vấn và Định giá TMC Kiên Giang). Thời gian vợ chồng ông X1, bà H và các con lưu cư và tháo dỡ nhà là 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực ngày 19/6/2019.

3. Về chi phí đo đạc và định giá bà Trần Thị X đã nộp xong, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Buộc vợ chồng ông Danh X1, bà Dương Thị H phải liên đới nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị X theo biên lai thu số 09661 ngày 19 tháng 7 năm 2015. Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Danh X1 phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009262, ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kiên Giang

Bà Dương Thị H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009263, ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu L1 pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/6/2019)/.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Đ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Minh Triều